

TIỀN CỔ KIM LOẠI Ở HẢI PHÒNG

PGS.TS. HOÀNG VĂN KHOÁN

Bảo tàng Hải Phòng có gần 1 tạ tiền cổ bằng kim loại, được sưu tầm từ nhiều địa điểm trong thành phố từ trước tới nay. Ở Hải Phòng, tốc độ đô thị hóa đang diễn ra rất nhanh, các di sản văn hóa dưới đất, dưới nước đặc biệt tiền cổ, được phát hiện ngày càng nhiều, mang tính thời sự hàng ngày.

Vừa qua, Bảo tàng Hải Phòng, trong một thời gian gần hai tháng, đã tập trung các cán bộ thực hiện một chuyên đề khoa học nghiên cứu toàn bộ sưu tập tiền cổ hiện có

trong Bảo tàng. Kết quả, Bảo tàng đã phân loại, thống kê, xác định được nguồn gốc, niên đại cho mỗi loại tiền. Mỗi hiệu tiền có một bản lý lịch ghi các thông tin, bản rập, bản ảnh, kích thước, kiểu chữ đến trọng lượng. Có thể nói, Bảo tàng Hải Phòng là một trong những bảo tàng cấp tỉnh đi đầu trong việc nghiên cứu quản lý loại di sản văn hóa đặc biệt này.

Cho đến nay, tiền cổ ở trong Bảo tàng Hải Phòng có các loại sau đây:

Tiền Việt Nam

STT	Triều Vua	Hiệu tiền	Thời gian đúc
1	Trần Thái Tông	Nguyên Phong Thông Bảo	1251 – 1258
2	Lê Thái Tổ	Thuận Thiên Nguyên Bảo	1428
3	Lê Thánh Tông	Quang Thuận Thông Bảo	1460 – 1469
4	Lê Thánh Tông	Hồng Đức Thông Bảo	1460 – 1469
5	Lê Thần Tông	Vĩnh Thọ Thông Bảo	1658 – 1662
6	Lê Dụ Tông	Vĩnh Thịnh Thông Bảo	1713
7	Lê Hiến Tông	Cánh Hưng Thông Bảo	1740 – 1786
8	Lê Mân Đế	Chiêu Thống Thông Bảo	1786 – 1788
9	Nguyễn Hoàng	Thái Bình Thông Bảo	1765 – 1777
10	Nguyễn Nhạc	Thái Đức Thông Bảo	1778 – 1793
11	Nguyễn Huệ	Quang Trung Thông Bảo	1788 – 1792
12	Nguyễn Hoàng Tông	Khải Định Thông Bảo	1916 – 1925
13	Nguyễn Bảo Đại	Bảo Đại Thông Bảo	1925 – 1945

Tiền Trung Quốc

STT	Triều Vua	Hiệu tiên	Niên đại
1	Thời Chiến Quốc	Đạo tiên (Tiền hình đạo)	Thế kỷ V trước CN
2	Đông Hán , Quang Vũ Đế	Ngũ Thủ	Năm 40 sau CN
3	Đường , Vũ Đức	Khai Nguyên Thông Bảo	621
4	Bắc Tống , Tống Thái Tông	Tống Nguyên Thông Bảo	960
5		Thuần Hóa Thông Bảo	976 – 983
6	Tống Chân Tông	Hàm Bình Nguyên Bảo	998
		Cánh Đức Nguyên Bảo	1004
		Tường Phù Nguyên Bảo	1008
		Thiên Hy Nguyên Bảo	1021
7	Tống Nhân Tông	Thiên Thánh Nguyên Bảo	1023
		Minh Đạo Nguyên bảo	1032
		Cánh Hựu Nguyên Bảo	1034
		Chí Hòa Nguyên Bảo	1054 - 1056
		Gia Hựu Nguyên Bảo	1056
8	Tống Anh Tông	Trị Bình Nguyên Bảo	1064 – 1067
9	Tống Thần Tông	Hy Ninh Nguyên Bảo	1068 – 1077
		Nguyên Phong Thông Bảo	1078 - 1085
10	Tống Triết Tông	Thiệu Thánh Nguyên Bảo	1094 – 1097
		Nguyên Phù Thông Bảo	1098 – 1100
11	Tống Huy Tông	Đại Quan Thông Bảo	1167
		Chính Hòa Thông Bảo	1111 – 1118
12	Nam Tống , Tống Hiếu Tông	Thuần Hy Nguyên Bảo	1174 – 1189
13	Minh , Hiếu Tông	Hoảng Trị Thông Bảo	1503
14	Minh Tư Tông	Sùng Trinh Thông Bảo	1628
15	Thủ lĩnh nghĩa quân chống Minh - Ngô Tam Quế - Ngô Thế Phan	Chiêu Vũ Thông Bảo	1678
		Lợi Dụng Thông Bảo	1678
		Hồng Hóa Thông Bảo	1670
16	Thanh , Thế Tổ	Thuận Trị Thông Bảo	1644
17	Thanh, Thánh Tổ	Khang Hy Thông Bảo	1662 – 1722
18	Thanh Thế Tông	Ung Chính Thông Bảo	1723 – 1735
19	Thanh Cao Tông	Càn Long Thông Bảo	1736
20	Thanh Đức Tông	Đại Thanh Đồng Tệ	1879 – 1908
21	Tiền Hồng Công	Hương Cảng Nhất Tiên	1905

Tiền Nhật Bản

STT	Triều Vua	Hiệu tiền	Thời gian đúc
1	Dòng họ Ô Tản	Hồng Vũ Thông Bảo	1329 – 1636
2	Tokugawa	Khoan Vĩnh Thông Bảo	1624 – 1664
3	Tiền mậu dịch	Nguyên Phong Thông Bảo	1868 – 1912

Ngoài ra, tại vườn nhà ông Vê ở thôn An Du, xã Khởi Nghĩa, huyện Liên Lãng, nhân đào ao thả cá ông đã phát hiện 1 hũ tiền, chỗ phát hiện cách bến Ốc 100m, cách bến Thấp Giang 50m. Ở bến Ốc nhân dân làm thủy lợi cũng phát hiện tiền xếp lớn dính chặt thành khối, dài ngắn khác nhau. Tôi đã trực tiếp đọc số tiền đó có các niên hiệu:

An Pháp Nguyên Bảo
Thánh Nguyên Thông Bảo
Nguyên Phong Thông Bảo
Thiên Thánh Nguyên Bảo
Trị Bình Thông Bảo
Trị Bình Phong Bảo
Thường Nguyên Thông Bảo
Hán Nguyên Thông Bảo
Thái Bình Thánh Bảo
Triệu Thánh Nguyên Bảo
Nguyên Hựu Thông Bảo

Các hiệu tiền này đúc bằng đồng thau rất mỏng, đường kính rất bé (20mm).

Thôn An Du trước gọi là An Hộ, một thôn nhỏ có 2 bến sông: Bến Ốc và Bến Thấp Giang. Hai bến này nằm trong khu chợ. Nhân dân gọi là chợ 3 cây Đa. Đào khảo cổ trong làng, ngoài đồng khu vực này phát hiện rất nhiều loại đồ gốm, sành, sứ, nhiều nhất là các loại chum, lon, vại bằng sành có niên đại chủ yếu thế kỷ 17-18. Đây là một khu chợ sầm uất trên bến dưới thuyền, nằm trên bờ sông Thái Bình. Bến Ốc nối sông Thái Bình là một nhánh sông nhỏ lượn vòng vào các thôn xóm của xã Khởi Nghĩa. Ở cửa bến còn thấy các đoạn ván có dính lạt mây, có thể là vết tích thuyền chở hàng ra vào nội địa.

Như vậy An Du là trung tâm thương cảng trên đất Hải Phòng vào thế kỷ 17-18. Thương cảng này đã dùng các loại tiền nói trên để mua bán rộng rãi. Loại tiền này mang niêm hiệu Việt Nam và Trung Quốc nhiều đời và có một số niên hiệu chưa rõ nguồn gốc.

Tôi cho đây là loại tiền mậu dịch có giá trị lưu thông trên thị trường Việt Nam và các nước láng giềng.

Ở khúc sông Đáy, xã Phan Chấn, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương phát hiện ra hũ tiền khoảng 10 cân, trong đó chỉ có một loại tiền rất giống tiền An Du.

Ở xã Phú Túc, huyện Phú Xuyên, tỉnh Hà Tây cũ cũng phát hiện ra một hũ tiền giống hệt như thế. Phân loại những đồng tiền rõ nét có 450 đồng Thái Bình Thông Bảo, 555 đồng Thánh Nguyên Thông Bảo, 568 đồng An Pháp Nguyên Bảo, 180 đồng tiền Nguyên Phong Thông Bảo.

Loại tiền này do các lò tư nhân đúc nhằm đáp ứng nhu cầu thị trường thế kỷ 17- 18.

Chúng tôi phát hiện rất nhiều khuôn đúc hai mặt bằng đất và bằng đá, trong đó khuôn in rõ các loại tiền có trên.

Như vậy, Hải Phòng ở thế kỷ 17- 18 có thêm một thương cảng mà trung tâm ở An Du- Yên Lãng. Theo sự mô tả của một thương gia người Anh (William Dampier) thì An Du có lẽ là thương cảng mang tên Domea (Đỗ Mè).

Căn cứ vào loại tiền phát hiện được trong lãnh địa Hải Phòng, tôi cho rằng Hải Phòng là một thương cảng khá sớm theo các giai đoạn phát triển:

1- Giai đoạn giao lưu văn hóa giữa người Đông Sơn Hải Phòng với các nước thời Chiến quốc: Trong ngôi mộ truyền thống Việt Khê có hàng trăm di vật bằng đồng mang đặc trưng rõ rệt của văn hóa Đông Sơn. Ba đồng dao tiền trong đó là phản ánh giao lưu văn hóa, không phải quan hệ buôn bán, không có vai trò lưu thông trên thị trường tiền tệ ở Việt Nam.

2- Giai đoạn thứ hai- từ thế kỷ I đến thế kỷ IX: Ở giai đoạn này, Việt Nam chưa có tiền đúc. Thương cảng Hải Phòng lưu thông phổ biến trên thị trường là tiền Ngũ Thủ. Tiền Ngũ Thủ được đưa dưới thời Quang Vũ

Đế, Đông Hán vào năm 40 khi có sự tham gia tiên khai Nguyên của Nhà Đường thế kỷ VII- IX. Đây là giai đoạn mà các thương gia nhà Hán đi theo đội quân xâm lược sang Việt Nam buôn bán. Những mộ táng người Hán có rất nhiều ở Hải Phòng. Đây cũng là thời kỳ mà cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng diễn ra. Nghĩa quân của Hai Bà cũng có mặt khắp nơi trên đất Hải Phòng, điển hình là Nữ Tướng Lê Chân. Đây là thời kỳ xâm lược, đồng hóa và chống đồng hóa quyết liệt nhưng lưu thông tiền tệ là nhu cầu của cả hai bên.

3- Giai đoạn thứ ba- từ thế X đến thế kỷ XII: Ở giai đoạn này, nước ta đã dành được độc lập tự chủ sau chiến thắng của Ngô Quyền năm 938, các triều vua Việt Nam đã bắt đầu đúc tiền theo niên hiệu của mình. Chúng ta phát hiện ra loại tiền thời Đinh, Tiền Lê, tiền thời Lý và thời Trần. Nhưng số lượng rất ít vì nhiều lý do. Bình Chiêm, phá Tống, ba lần phải tổ chức chống quân Nguyên Mông xâm lược, Hải Phòng là mặt trận trực tiếp của các cuộc chiến đấu. Tuy nhiên, tiền vẫn được lưu thông, triều đình cho đến dân thường đều cần tiền. Nhà nước có đủ tiền nhưng rất hạn chế. Tài nguyên khoáng sản vẫn được khai thác, nhưng chủ yếu dùng cho đúc chuông, đúc tượng. Mặt khác dưới thời Lý- Trần nội thương, ngoại thương khá phát triển, ngoại thương chủ yếu là buôn bán với Trung Quốc. Người Việt Nam bán cho Trung Quốc các hàng lâm thổ sản, Trung Quốc bán cho thương nhân Việt Nam vải vóc, giấy bút. Hàng hóa các loại đổi chác có loại lấy bằng tiền, vì thế tiền tệ dưới thời Lý- Trần được lưu thông giữa Việt Nam và Trung Quốc không có biên giới.

Hơn nữa, mọi đặc trưng tâm lý của nhân dân là hễ đồng tiền có hình tròn, lỗ vuông, có chữ, tiền tốt là đều tiêu dùng không phân biệt.

Do đó, ở Hải Phòng, tiền Bắc Tống chiếm một số lượng lớn, tiền Trung Quốc được coi như một nội tệ dưới thời Lý- Trần. Ngay ở Hoàng Thành Thăng Long- nơi cung cấp, những tiền Bắc Tống chiếm một số, đa số đó cũng là một đặc điểm chung về tiền tệ dưới thời Lý- Trần.

Triều Bắc Tống có chín đời vua. Ở Hải

Phòng có đủ các hiệu tiền của chín đời vua đó.

Có thể nói rằng, trong giai đoạn thứ ba này, ở Hải Phòng tiêu tiền Bắc Tống như một nội tệ.

4- Giai đoạn 4- từ thế kỷ XV đến thế kỷ XIX: Thời kỳ này Hải Phòng là một thương cảng khá phồn thịnh, tiền Việt Nam xuất hiện với một số lượng đáng kể, phong phú, có những loại tiền Nguyên Phong của Trần Thái Tông, tiền Thuận Thiên Nguyên Bảo của Lê Thái Tổ, các hiệu tiền của Lê Thánh Tông, Lê Thần Tông, Lê Dụ Tông, Lê Hiến Tông, Lê Mẫn Đế, đến các loại tiền của Nguyễn Hoàng, Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Khải Định, Bảo Đại.

Bên cạnh tiền Việt Nam, tiền Bắc Tống vẫn còn, số lượng ít hơn, chủ yếu là tiền thời Minh, thời Thanh của Thanh Thế Tổ, Thanh Thánh Tổ, Thanh Thế Tông, Thanh Cao Tông, Thanh Đức Tông. Đặc biệt là có loại tiền của nghĩa quân chống triều Minh (Ngô Thế Phan, Ngô Tam Quế). Chiếm một số lượng khá lớn là các loại tiền mậu dịch của Việt Nam, Nhật Bản. Tiền mậu dịch Nhật Bản có loại sớm nhất ở thế kỷ XV là tiền Hoàng Vũ của dòng họ Ô Tân, tiền Khoan Vĩnh của Tokygawa, rất nhiều tiền Nguyên Phong của thời cải cách Minh Trị Thiên Hoàng ở thế kỷ XIX. Ngoài ra, có cả tiền Hồng Kông- Hương Cảng nhất tiền, đúc năm 1905.

Trong các loại tiền ở trên, có những đồng tiền rất hiếm thấy ở miền Bắc, như tiền Thái Đức của Nguyễn Nhạc. Tiền chúa Nguyễn Đàng Trong có rất nhiều về số lượng và chủng loại. Tiền mậu dịch của Nhật Bản cũng rất tập trung, tiền dày, khá đẹp. Loại tiền này xuất hiện ở các thương cảng như Thành Phố Hồ Chí Minh, Phan Thiết, nhưng tập trung nhất vẫn là ở Hải Phòng.

Ở giai đoạn này, Hải Phòng có sự phát triển rộng rãi nên nội thương, ngoại thương thành một thương cảng khá sầm uất, trong đó xuất hiện thêm thêm một thương cảng mới, thương cảng Domea./.